TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TÒA ÁN ND QUẬN HOÀN KIẾM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/ LH-ST
Ngày: 19/4/2023
Về việc: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Lệ Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Dũng

2. Bà Đào Phương Mai

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Hoa – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm: Bà Phan Hạnh Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 399/2022/LHST ngày 22 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp: Ly hôn, giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông **Trần Ngọc L,** sinh năm 1967;

Nơi cư trú: P415 A6 Tập thể D, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Bà **Trần Thị Minh T,** sinh năm 1964;

Đăng kí hộ khẩu và nơi cư trú trước khi mất tích: B7 phố H, phường C, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Hiện ở tại: không rõ.

Ông L có mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Trần Ngọc L tại Tòa án như sau: Tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn bà Trần Thị Minh T do

vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bà T bỏ đi mất tích từ tháng 7 năm 2006 không rõ lý do, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân.

Chúng tôi có 01 con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chúng tôi có 01 con chung là Trần Diệu A, sinh ngày 7/7/1999 đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Chúng tôi không có tài sản chung là động sản, bất động sản, không có công nợ chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã có tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án hôn nhân gia đình; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bà Trần Thị Minh T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và các ý kiến về con chung và tài sản chung, khoản nợ như đã trình bày tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về Tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng, thời hạn tố tụng và thời gian chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về Nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án hôn nhân gia đình; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bà Trần Thị Minh T theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định của pháp luật.

2. Về nội dung.

Quan hệ hôn nhân: Bị đơn bà Trần Thị Minh T đã có quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích số

16/2019/QĐST-VDS ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Căn cứ lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Trần Ngọc L và bà Trần Thị Minh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/5/2000 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Từ khoảng tháng 8 năm 2006, bà T bỏ đi biệt tích không có lý do và không liên lạc với gia đình từ đó đến nay.

Ông L đã yêu cầu Tòa án ra Quyết định giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích đối với bà T. Nay ông L xin ly hôn bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy việc xin ly hôn của ông L là có căn cứ nên chấp nhận, phù hợp khoản 2 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: ông L bà T có 01 con chung là Trần Diệu A, sinh ngày 7/7/1999 đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên không xét.

Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí: ông L phải chị án phí ly hôn sơ thẩm và các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**** Vì các lẽ trên!***

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 51, khoản 2 Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Ngọc L đối với bà Trần Thị Minh T;

Ông Trần Ngọc L được ly hôn với bà Trần Thị Minh T.

2. Con chung: Xác định ông bà có 01 con chung là Trần Diệu A, sinh ngày 7/7/1999 đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên không xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí, quyền kháng cáo: Ông L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0052042 ngày 22/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

Án xử công khai sơ thẩm, ông L có mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T vắng mặt tại phiên toà và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- UBND phường Chương Dương;
- Lưu hồ sơ.

T/m Hội đồng xét xử SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lệ Hằng